

GIAI LAN VO ĐỊCH QUỐC GIA NAM 2024 - 17/10/2024 to 20/10/2024

Results - SANG NGAY 1

Event 101 Women 100 LC Meter VHCV

KLQG: 40.09 # 05/12/2022		Thi Duyen Cao		THA	
Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
Preliminaries					
1	Dong Khanh, Thanh Tam	17 TP Ho Chi Minh	41.70	43.11	q
	r:+0.94 20.82	43.11 (22.29)			
2	Nguyen Thi, Hong Nhung	15 Quan Doi	42.00	43.46	q
	r:+1.02 20.51	43.46 (22.95)			
3	Tran Thi, Huyen Trang	24 Ha Noi	41.00	43.48	q
	r:+0.86 21.29	43.48 (22.19)			
4	Le Thi, Nhung	15 Thanh Hoa	NT	43.65	q
	r:+0.95 21.13	43.65 (22.52)			
5	Cao Thi, Duyen	23 Thanh Hoa	39.00	44.05	q
	r:+0.93 21.35	44.05 (22.70)			
6	Tran Thi, Hoai Thuong	16 Dong Nai	43.00	44.39	q
	r:+1.02 21.58	44.39 (22.81)			
7	Ha Phuong, Anh	15 Hai Duong	42.00	44.70	q
	r:+0.83 21.35	44.70 (23.35)			
8	Nguyen Thi, Hang	22 Da Nang	39.00	44.94	q
	r:+0.99 21.65	44.94 (23.29)			
9	Nguyen Kieu, Oanh	17 Phu Tho	43.50	44.97	
	r:+0.87 21.35	44.97 (23.62)			
10	Nguyen Thi, Lan Vy	27 Da Nang	39.00	45.00	
	r:+0.97 22.02	45.00 (22.98)			
11	Dang Thi, Vuong	18 Ha Noi	41.00	45.29	
	r:+0.94 22.54	45.29 (22.75)			
12	Pham Thi, Thuy Suong	16 Quang Binh	45.00	46.08	
	r:+0.97 22.24	46.08 (23.84)			
13	Duong Thuy, Hong	17 Quang Ninh	43.11	46.63	
	r:+0.99 22.39	46.63 (24.24)			
14	Trieu Thi, Uyen	14 Quang Ninh	43.11	46.93	
	r:+0.94 22.05	46.93 (24.88)			
15	Pham Thi, Thu	22 Hai Duong	39.50	47.76	
	r:+0.96 23.13	47.76 (24.63)			
16	Tran Thi, Yen Trang	14 Quang Binh	45.00	48.32	
	r:+0.97 23.82	48.32 (24.50)			
17	Mai Ngoc, Nhu Truc	18 Quan Doi	42.00	1:01.50	
	r:+0.96 29.75	1:01.50 (31.75)			
---	Nguyen Nhat, Le Nguyen	19 Da Nang	NT	X42.66	
	r:+0.93 20.32	42.66 (22.34)			
---	Nguyen Hoai, Thuong	22 Da Nang	NT	X43.37	
	r:+0.90 21.08	43.37 (22.29)			
---	Pham Hoai, Anh	18 Thanh Hoa	NT	X44.97	
	r:+0.89 21.34	44.97 (23.63)			
---	Hoang Thi, Anh Thu	16 Thanh Hoa	NT	X46.29	
	r:+0.91 21.94	46.29 (24.35)			
---	Pham Nguyen, Ly Ly	12 Da Nang	NT	X46.66	
	r:+0.84 22.05	46.66 (24.61)			
---	Nguyen Thi, Thu	17 Quang Ninh	NT	X47.14	
	r:+1.03 22.00	47.14 (25.14)			
---	Le Ngoc, Nuong	13 Thanh Hoa	NT	X51.58	
	r:+0.94 24.18	51.58 (27.40)			
---	Vu Yen, Nhi	14 Hai Duong	NT	X52.89	
	r:+0.94 25.69	52.89 (27.20)			

GIAI LAN VO ĐỊCH QUỐC GIA NAM 2024 - 17/10/2024 to 20/10/2024

Results - SANG NGAY 1

Preliminaries ... (Event 101 Women 100 LC Meter VHCV)

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time
--- Ha Thi, Bac	12	Thanh Hoa	NT	X55.69
r:+0.88 26.08	55.69 (29.61)			
--- Vi Thi, Hieu	12	Thanh Hoa	NT	X57.87
r:+0.96 27.72	57.87 (30.15)			

Event 102 Men 100 LC Meter VHCV

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time
Preliminaries				
1 Pham Thanh, Dai	18	Quang Binh	39.00	38.71 q
r:+1.05 18.45	38.71 (20.26)			
2 Nguyen Thanh, Loc	29	TP Ho Chi Minh	35.75	39.04 q
r:+0.92 18.66	39.04 (20.38)			
3 Le Khuong, Duy	16	Thanh Hoa	NT	39.14 q
r:+0.99 19.32	39.14 (19.82)			
4 Nguyen Trung, Kien	35	Ha Noi	36.50	39.20 q
r:+0.89 18.39	39.20 (20.81)			
5 Do Dinh, Toan	27	TP Ho Chi Minh	36.30	39.51 q
r:+0.87 18.27	39.51 (21.24)			
6 Truong Minh, Quan	20	Quan Doi	36.50	39.69 q
r:+0.98 18.87	39.69 (20.82)			
7 Nguyen Huy, Anh	17	Ha Noi	37.00	39.88 q
r:+0.92 18.89	39.88 (20.99)			
8 Nguyen Duy, Anh	21	Da Nang	35.00	39.92 q
r:+0.99 19.27	39.92 (20.65)			
9 Nguyen Phi, Ha	18	Thanh Hoa	NT	40.01
r:+0.82 18.93	40.01 (21.08)			
10 Dang Duc, Manh	22	Quan Doi	36.50	40.64
r:+0.99 19.95	40.64 (20.69)			
11 Nguyen Van, Thanh	18	Nam Dinh	39.00	40.69
r:+1.08 19.72	40.69 (20.97)			
12 Pham Nhat, Anh	16	Nam Dinh	40.00	41.04
r:+0.84 19.33	41.04 (21.71)			
13 Dang Nguyen, Long Nhat	18	Da Nang	38.00	41.23
r:+0.90 19.57	41.23 (21.66)			
14 Nguyen The, Duong	15	Dong Nai	1:25.00	41.51
r:+0.97 19.89	41.51 (21.62)			
15 Nguyen Dinh, Hieu	14	Nghe An	40.00	41.53
r:+0.91 20.21	41.53 (21.32)			
16 Nguyen Hai, Nam	16	Quang Ninh	41.10	41.58
r:+1.02 20.20	41.58 (21.38)			
17 Nguyen Huynh, Quoc Thang	15	Tay Ninh	39.50	42.60
r:+1.01 19.95	42.60 (22.65)			
18 Tran Duy, Bao	14	Thai Binh	41.00	42.74
r:+1.01 20.07	42.74 (22.67)			
19 Ha Nhat, Minh	13	Nghe An	43.00	44.83
r:+0.97 21.25	44.83 (23.58)			
20 Nguyen Thanh, Toan	13	Hai Duong	45.00	48.66
r:+0.91 23.36	48.66 (25.30)			
21 Nguyen Anh, Tuan	13	Hai Duong	45.00	49.88
r:+0.92 23.91	49.88 (25.97)			
--- Mai Xuan, Anh	19	Quan Doi	NT	X39.94
r:+0.99 18.63	39.94 (21.31)			

GIAI LAN VO ĐỊCH QUỐC GIA NAM 2024 - 17/10/2024 to 20/10/2024**Results - SANG NGAY 1****Preliminaries ... (Event 102 Men 100 LC Meter VHCV)**

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time
--- Vu Sinh, Hung r:+0.94 19.77	14	Da Nang	NT	X40.32
--- Ngo Tuan, Nghia r:+1.06 19.91	17	Quan Doi	NT	X40.47
--- Cao Van, Manh r:+0.99 21.07	15	Thanh Hoa	NT	X42.50
--- Nguyen Ngoc, Tien r:+0.94 20.23	15	Da Nang	NT	X42.66
--- Vo Van, Vuong r:+0.89 20.81	18	Da Nang	NT	X43.13
--- Phan Thanh, Huy r:+0.97 20.43	15	Da Nang	NT	X43.22
--- Dang Van, Huy r:+0.90 21.50	16	Da Nang	NT	X43.27
--- Cao Ngoc, Sang r:+0.96 21.39	14	Thanh Hoa	NT	X44.99
--- Mai Nguyen, Huu Loc r:+0.86 22.70	14	Hai Duong	NT	X49.88
--- Tran Nhat, Tan r:+0.86 25.91	15	Hai Duong	NT	X52.53
--- Nguyen Xuan, Long r:+0.97 26.16	12	Thanh Hoa	NT	X55.89
--- Lo Minh, Thanh r:+0.88 25.99	12	Thanh Hoa	NT	X56.41

Event 103 Women 100 LC Meter CVD

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time
Preliminaries				
1 Le Thi, Thanh Tuyen r:+0.90 25.04	15	Dong Nai	50.30	51.68 q
2 Pham Thi, Thu r:+0.90 25.42	22	Hai Duong	49.00	51.96 q
3 Thach Thi, Diem My r:+1.02 25.77	17	Dong Nai	49.80	52.38 q
4 Do Nguyen, Thuy Linh r:+0.94 25.82	15	Cong An Nhan Dan	50.70	52.51 q
5 Vu Thi, Tuyet Minh r:+0.93 26.13	16	Binh Thuan	52.22	52.72 q
6 Nguyen Thanh, Tra r:+0.92 25.72	15	Phu Tho	50.00	52.92 q
7 Do Thi, Tuyet Mai r:+0.86 25.36	17	Hai Phong	52.00	53.08 q
8 Le Thi, Thanh Van r:+0.99 26.73	20	Hai Duong	49.77	53.24 q
9 Pham Thanh, Truc r:+0.96 26.30	14	TP Ho Chi Minh	52.50	53.51
10 Truong Thi, Thuy Le r:+0.93 25.53	17	Ha Nam	50.50	53.56
11 Dang Thi, Vuong r:+1.03 26.21	18	Ha Noi	50.00	54.07
12 Trinh Khanh, Ly r:+1.04 25.96	17	Ha Nam	50.50	54.10

GIAI LAN VO ĐỊCH QUỐC GIA NAM 2024 - 17/10/2024 to 20/10/2024

Results - SANG NGAY 1

Preliminaries ... (Event 103 Women 100 LC Meter CVD)

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time
13 Mai Ngoc, Nhu Truc r:+0.98 26.35	18	Quan Doi	52.00	54.25
				54.25 (27.90)
14 Cao Thi, Duyen r:+0.93 26.98	23	Thanh Hoa	47.23	54.85
				54.85 (27.87)
15 Tran Phuong, Minh r:+0.89 26.84	13	Ha Noi	52.50	54.86
				54.86 (28.02)
16 Phung Ngoc, My r:+0.86 27.00	23	Hai Phong	53.50	55.83
				55.83 (28.83)
17 Thai Thi, Kim Tien r:+0.93 26.70	12	Quang Binh	56.00	55.90
				55.90 (29.20)
18 Le Bao, Thy r:+0.91 27.03	15	Nam Dinh	53.00	56.19
				56.19 (29.16)
19 Nguyen Kieu, Oanh r:+0.84 27.29	17	Phu Tho	52.45	57.43
				57.43 (30.14)
20 Pham Thi, Bao Thi r:+0.92 28.51	12	Thanh Hoa	NT	1:00.78
				1:00.78 (32.27)
21 Nguyen Thi, Hong Nhung r:+0.91 34.19	15	Quan Doi	52.00	1:10.35
				1:10.35 (36.16)
--- Nguyen Dieu, Huyen r:+0.92 26.49	11	Hai Duong	NT	X55.47
				55.47 (28.98)
--- Vi Thi, Hieu r:+1.05 28.91	12	Thanh Hoa	NT	X59.86
				59.86 (30.95)
--- Vu Yen, Nhi r:+0.94 29.43	14	Hai Duong	NT	X1:00.09
				1:00.09 (30.66)

Event 104 Men 100 LC Meter CVD

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time
Preliminaries				
1 Vu Dang, Nhat Nam r:+0.94 21.87	20	Dong Nai	43.20	45.70 q
				45.70 (23.83)
2 Nguyen Manh, Phuc r:+0.93 22.34	16	Quan Doi	45.00	46.07 q
				46.07 (23.73)
3 Dang Gia, Huan r:+1.00 22.71	18	TP Ho Chi Minh	44.90	46.45 q
				46.45 (23.74)
4 Nguyen Thanh, Tung r:+1.04 22.51	16	Quan Doi	45.00	46.90 q
				46.90 (24.39)
5 Nguyen Le, Truyen Dat r:+0.95 23.41	18	Dong Nai	43.90	47.03 q
				47.03 (23.62)
6 Vo Dinh, Phi r:+0.93 22.97	19	Hai Phong	45.00	47.22 q
				47.22 (24.25)
7 Le Trung, Hieu r:+0.88 22.84	20	Hai Phong	47.00	47.30 q
				47.30 (24.46)
8 Vu Ngoc, Diep r:+0.92 22.72	16	Hai Duong	45.50	47.44 q
				47.44 (24.72)
9 Ngo Minh, Chien r:+0.95 23.27	17	Quang Binh	46.00	48.34
				48.34 (25.07)
10 Tran Van, Dung r:+1.13 23.82	18	Ha Noi	46.00	48.63
				48.63 (24.81)
11 Le Nguyen, Trung Nghia r:+0.97 23.08	16	Da Nang	48.00	48.65
				48.65 (25.57)
12 Pham Nhat, Anh r:+0.90 23.44	16	Nam Dinh	49.00	48.87
				48.87 (25.43)

GIAI LAN VO ĐỊCH QUỐC GIA NAM 2024 - 17/10/2024 to 20/10/2024

Results - SANG NGÀY 1

Preliminaries ... (Event 104 Men 100 LC Meter CVD)

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time
13 Nguyen Nam, Khanh r:+0.96 23.86	16	Hai Duong	46.50	48.88
14 Pham Quang, Huy r:+0.79 22.92	14	Thai Binh	46.00	49.19
15 Tran Van, Dai r:+0.89 25.43	12	Nam Dinh	48.00	50.60
16 Trinh Tien, Dat r:+0.82 24.46	14	Phu Tho	44.32	50.69
17 Tran Hieu, Khanh r:+0.82 24.48	14	Phu Tho	50.11	51.77
18 Nguyen Khang, Dung r:+1.02 25.52	17	TP Ho Chi Minh	45.90	52.75
19 Tran Hoang, Anh r:+0.93 26.11	12	Quang Binh	54.00	53.84
20 Dang Trong, Minh r:+0.80 25.81	18	Thanh Hoa	45.50	55.10
21 Lo Minh, Thanh r:+0.96 27.01	12	Thanh Hoa	NT	55.95
--- Nguyen Thanh, Chanh r:+0.84 22.43	18	Dong Nai	NT	X47.69
--- Nguyen Duc, Tien r:+0.91 23.33	16	Hai Phong	NT	X48.68
--- Dinh Manh, Hung r:+0.90 23.78	11	Hai Duong	NT	X49.67
--- Pham Duc, Thanh r:+0.95 25.37	16	Hai Phong	NT	X52.67
--- Pham Nam, Phong r:+0.91 26.14	11	Hai Duong	NT	X55.12
--- Nguyen Xuan, Long r:+0.97 27.47	12	Thanh Hoa	NT	X58.71
--- Nguyen Anh, Tuan r:+0.93	13	Hai Duong	NT	X59.58
--- Pham Van, Xuan Swimmer did not finish r:+1.00	17	Hai Duong	NT	XDNF

Event 105 Women 400 LC Meter VHCV

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time
Preliminaries				
1 Nguyen Tu, Anh r:+0.98 24.23 2:13.31 (27.67)	17	Nghe An	3:22.00	3:32.95 q
2 Nguyen Tran, San San r:+0.96 24.39 2:16.04 (27.98)	17	Ha Noi	3:25.00	3:36.04 q
3 Pham Thi, Hong Diep r:+0.99 25.52 2:15.90 ()	20	Thai Binh	3:22.00	3:36.89 q
4 Nguyen Thi, Thanh Thi r:+0.87 24.61 2:13.70 ()	15	Quang Ninh	3:18.00	3:38.37 q

GIAI LAN VO ĐỊCH QUỐC GIA NAM 2024 - 17/10/2024 to 20/10/2024**Results - SANG NGÀY 1****Preliminaries ... (Event 105 Women 400 LC Meter VHCV)**

	Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
5	Do Thi, Thanh Thao	17	Ha Nam	3:35.49	3:38.97	q
	r:+1.03 24.89	52.29 (27.40)	1:20.31 (28.02)	1:48.54 (28.23)		
	2:16.52 (27.98)	2:44.66 (28.14)	3:12.42 (27.76)	3:38.97 (26.55)		
6	Nguyen Nhat, Le Nguyen	19	Da Nang	3:25.00	3:39.45	q
	r:+0.94 24.94	51.20 (26.26)	1:18.35 (27.15)	1:46.26 (27.91)		
	2:14.47 (28.21)	2:42.83 (28.36)	3:11.81 (28.98)	3:39.45 (27.64)		
7	Trieu Thi, Uyen	14	Quang Ninh	3:28.00	3:40.02	q
	r:+0.97 26.72	54.26 (27.54)	1:21.50 (27.24)	1:49.84 (28.34)		
	2:17.52 (27.68)	2:45.85 (28.33)	3:13.58 (27.73)	3:40.02 (26.44)		
8	Pham Thi, Kim Thuong	23	Ha Noi	3:25.00	3:40.15	q
	r:+1.05 25.67	53.18 (27.51)	1:21.37 (28.19)	1:49.54 (28.17)		
	2:17.58 (28.04)	2:45.58 (28.00)	3:13.07 (27.49)	3:40.15 (27.08)		
9	Ha Phuong, Anh	15	Hai Duong	3:35.00	3:40.23	
	r:+0.86 24.04		1:19.75 ()			
	2:16.59 ()		3:13.26 ()	3:40.23 (26.97)		
10	Tran Thi, Hoai Thuong	16	Dong Nai	3:36.00	3:40.35	
	r:+1.01 24.38	51.27 (26.89)	1:19.49 (28.22)	1:47.50 (28.01)		
	2:15.92 (28.42)	2:44.53 (28.61)	3:12.53 (28.00)	3:40.35 (27.82)		
11	Nguyen Thi, Hang	22	Da Nang	3:25.00	3:42.73	
	r:+1.22 24.99	51.96 (26.97)	1:18.99 (27.03)	1:46.54 (27.55)		
	2:14.19 (27.65)	2:42.96 (28.77)	3:13.28 (30.32)	3:42.73 (29.45)		
12	Tran Thi, Yen Trang	14	Quang Binh	3:45.00	3:42.86	
	r:+1.00 25.28	53.30 (28.02)	1:21.39 (28.09)	1:50.14 (28.75)		
	2:19.16 (29.02)	2:48.09 (28.93)	3:16.41 (28.32)	3:42.86 (26.45)		
13	Nguyen Hieu, Nhung	15	Nghe An	3:50.00	3:54.75	
	r:+1.05 25.57	53.91 (28.34)	1:23.92 (30.01)	1:54.31 (30.39)		
	2:25.41 (31.10)	2:56.14 (30.73)	3:26.27 (30.13)	3:54.75 (28.48)		
14	Nguyen Kieu, Oanh	17	Phu Tho	3:34.00	4:01.68	
	r:+0.90 25.15		1:23.81 ()			
	2:26.39 ()		3:31.03 ()	4:01.68 (30.65)		
15	Nguyen Thi, Hoang Nga	12	Quang Binh	3:48.00	4:04.12	
	r:+1.10 29.97	1:00.97 (31.00)	1:32.18 (31.21)	2:02.93 (30.75)		
	2:33.50 (30.57)	3:04.02 (30.52)	3:34.60 (30.58)	4:04.12 (29.52)		
16	Trinh Thi, Ngoc Anh	15	Thai Binh	3:35.00	4:27.28	
	r:+1.08 31.44	1:05.39 (33.95)	1:39.35 (33.96)	2:13.94 (34.59)		
	2:47.49 (33.55)	3:21.50 (34.01)	3:54.50 (33.00)	4:27.28 (32.78)		
---	Pham Nguyen, Ly Ly	12	Da Nang	NT	X3:52.67	
---	Trieu Anh, Nguyet	12	Phu Tho	NT	X4:06.47	
	r:+1.50 26.33		1:24.88 ()			
	2:28.82 ()		3:34.72 ()	4:06.47 (31.75)		
---	Vu Yen, Nhi	14	Hai Duong	NT	X4:25.41	
	r:+1.28 29.31	1:02.26 (32.95)	1:36.53 (34.27)	2:11.19 (34.66)		
	2:45.58 (34.39)	3:19.90 (34.32)	3:54.19 (34.29)	4:25.41 (31.22)		

GIAI LAN VO ĐỊCH QUỐC GIA NAM 2024 - 17/10/2024 to 20/10/2024

Results - SANG NGÀY 1

Event 106 Men 1500 LC Meter VHCV

KLQG: 12:45.56 # 10/2020		Luu Nguyen Duc Tam		TP Ho Chi Minh	
Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1 Pham Gia, Khiem	19	Ha Nam	NT	13:42.48	
r:+0.90 21.89	47.25 (25.36)	1:13.92 (26.67)	1:40.64 (26.72)		
2:07.62 (26.98)	2:34.71 (27.09)	3:01.87 (27.16)	3:28.92 (27.05)		
3:56.48 (27.56)	4:23.92 (27.44)	4:51.58 (27.66)	5:18.78 (27.20)		
5:46.65 (27.87)	6:14.33 (27.68)	6:42.23 (27.90)	7:09.93 (27.70)		
7:37.85 (27.92)	8:05.74 (27.89)	8:33.67 (27.93)	9:01.01 (27.34)		
9:29.25 (28.24)	9:56.73 (27.48)	10:25.43 (28.70)	10:53.52 (28.09)		
11:21.10 (27.58)	11:49.22 (28.12)	12:17.94 (28.72)	12:44.42 (26.48)		
13:15.81 (31.39)	13:42.48 (26.67)				
2 Ngo Tuan, Nghia	17	Quan Doi	13:56.00	13:57.40	
r:+1.01 24.91	52.10 (27.19)	1:19.51 (27.41)	1:47.47 (27.96)		
2:15.60 (28.13)	2:43.79 (28.19)	3:12.05 (28.26)	3:40.41 (28.36)		
4:08.56 (28.15)	4:37.00 (28.44)	5:05.98 (28.98)	5:34.38 (28.40)		
6:03.18 (28.80)	6:32.12 (28.94)	6:59.96 (27.84)	7:29.01 (29.05)		
7:57.33 (28.32)	8:26.03 (28.70)	8:54.42 (28.39)	9:23.06 (28.64)		
9:51.59 (28.53)	10:20.01 (28.42)	10:48.41 (28.40)	11:16.86 (28.45)		
11:45.95 (29.09)	12:14.99 (29.04)	12:43.13 (28.14)	13:11.03 (27.90)		
13:34.48 (23.45)	13:57.40 (22.92)				
3 Nguyen Khac, Thai Son	16	Ha Noi	14:15.00	14:51.22	
r:+0.85 23.36	51.12 (27.76)	1:19.98 (28.86)	1:49.69 (29.71)		
2:19.71 (30.02)	2:49.33 (29.62)	3:19.86 (30.53)	3:50.43 (30.57)		
4:20.91 (30.48)	4:51.04 (30.13)	5:21.71 (30.67)	5:51.20 (29.49)		
6:21.62 (30.42)	6:52.12 (30.50)	7:22.54 (30.42)	7:52.30 (29.76)		
8:22.77 (30.47)	8:52.57 (29.80)	9:22.80 (30.23)	9:52.33 (29.53)		
10:22.68 (30.35)	10:52.46 (29.78)	11:23.66 (31.20)	11:54.57 (30.91)		
12:25.44 (30.87)	12:55.97 (30.53)	13:26.80 (30.83)	13:57.08 (30.28)		
14:23.17 (26.09)	14:51.22 (28.05)				
4 Bui Ba, Gia Long	15	Ha Noi	14:40.00	15:37.27	
r:+1.13 25.46	54.19 (28.73)	1:24.16 (29.97)	1:55.07 (30.91)		
2:25.92 (30.85)	2:58.62 (32.70)	3:30.46 (31.84)	4:00.57 (30.11)		
4:32.26 (31.69)	5:03.00 (30.74)	5:35.02 (32.02)	6:06.71 (31.69)		
6:39.79 (33.08)	7:12.91 (33.12)	7:45.72 (32.81)	8:17.07 (31.35)		
8:50.08 (33.01)	9:21.80 (31.72)	9:55.56 (33.76)	10:27.11 (31.55)		
11:02.00 (34.89)	12:39.39 (1:37.39)	13:11.06 (31.67)	13:41.80 (30.74)		
14:12.24 (30.44)	14:42.22 (29.98)	15:10.95 (28.73)	15:37.27 (26.32)		
5 Nguyen Thanh, Toan	13	Hai Duong	14:30.00	16:27.37	
r:+0.94 27.33	57.99 (30.66)	1:29.82 (31.83)	2:01.76 (31.94)		
2:35.76 (34.00)	3:09.03 (33.27)	3:43.84 (34.81)	4:16.36 (32.52)		
4:50.03 (33.67)	5:23.59 (33.56)	5:57.66 (34.07)	6:31.34 (33.68)		
7:04.95 (33.61)	7:38.01 (33.06)	8:12.23 (34.22)	8:45.54 (33.31)		
9:18.84 (33.30)	9:52.00 (33.16)	10:25.67 (33.67)	10:58.45 (32.78)		
11:32.17 (33.72)	12:05.76 (33.59)	12:40.69 (34.93)	13:13.14 (32.45)		
13:46.16 (33.02)	14:19.81 (33.65)	14:54.35 (34.54)	15:27.69 (33.34)		
15:57.86 (30.17)	16:27.37 (29.51)				
6 Tran Nhat, Tan	15	Hai Duong	14:30.00	16:29.20	
r:+0.79 28.34		1:31.10 ()	2:04.33 (33.23)		
2:36.12 (31.79)	3:09.66 (33.54)	3:42.32 (32.66)	4:16.50 (34.18)		
4:49.51 (33.01)	5:22.89 (33.38)	5:56.03 (33.14)	6:28.82 (32.79)		
7:02.87 (34.05)	7:36.61 (33.74)	8:11.04 (34.43)	8:44.11 (33.07)		
9:18.23 (34.12)	9:51.17 (32.94)	10:24.50 (33.33)	10:58.74 (34.24)		
11:32.08 (33.34)	13:12.65 (1:40.57)	12:38.38 ()	14:18.95 (1:40.57)		
13:45.63 ()		14:51.57 ()	15:25.23 (33.66)		
15:57.15 (31.92)	16:29.20 (32.05)				

GIAI LAN VO ĐỊCH QUỐC GIA NAM 2024 - 17/10/2024 to 20/10/2024**Results - SANG NGÀY 1****(Event 106 Men 1500 LC Meter VHCV)**

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
--- Vu Sinh, Hung	14	Da Nang	NT	X14:07.72	
r:+1.15 26.38	54.67 (28.29)	1:21.51 (26.84)	1:49.69 (28.18)		
2:19.04 (29.35)	2:48.08 (29.04)	3:16.83 (28.75)	3:46.53 (29.70)		
4:16.25 (29.72)	4:45.15 (28.90)	5:12.89 (27.74)	5:41.26 (28.37)		
6:09.16 (27.90)	6:37.24 (28.08)	7:06.50 (29.26)	7:35.31 (28.81)		
8:04.20 (28.89)	8:33.08 (28.88)	9:00.66 (27.58)	9:29.05 (28.39)		
9:57.46 (28.41)	10:25.92 (28.46)	10:54.20 (28.28)	11:21.93 (27.73)		
11:50.50 (28.57)	12:18.74 (28.24)	12:46.67 (27.93)	13:15.26 (28.59)		
13:41.30 (26.04)	14:07.72 (26.42)				
--- Ha Van, Phong	16	Thai Binh	14:00.00	DQ	
r:+1.03					